

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010	
472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011	
472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013	
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp		
Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.		
Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
	Ông Tu Ting Jui	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
	Ông Chen Chung Kuang	Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính		
Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam		
Chi nhánh		
Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam		
Công ty kiểm toán		
Công ty TNHH KPMG Việt Nam		

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-413




Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Đặng Trung Hoàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		653.125.048.805	664.965.005.613
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	270.777.137.067	234.551.637.935
Tiền	111		60.692.137.067	49.211.637.935
Các khoản tương đương tiền	112		210.085.000.000	185.340.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	800.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		800.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.581.311.171	209.328.731.695
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	178.005.067.779	207.304.196.561
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.274.206.120	2.872.886.199
Phải thu khác	136		819.930.560	648.222.223
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.517.893.288)	(1.496.573.288)
Hàng tồn kho	140	7	190.701.790.245	199.974.688.896
Hàng tồn kho	141		191.429.706.344	200.915.366.851
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(727.916.099)	(940.677.955)
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.264.810.322	21.109.947.087
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	2.147.478.942	1.657.134.190
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(b)	6.870.540.748	19.231.030.493
Tài sản ngắn hạn khác	155		246.790.632	221.782.404
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		105.790.111.590	108.851.373.033
Tài sản cố định	220		97.840.554.780	97.516.241.249
Tài sản cố định hữu hình	221	8	97.708.254.780	97.327.241.249
Nguyên giá	222		450.888.527.951	442.618.893.782
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(353.180.273.171)	(345.291.652.533)
Tài sản cố định vô hình	227	9	132.300.000	189.000.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(434.700.000)	(378.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.419.254.572	7.467.834.491
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	3.419.254.572	7.467.834.491
Tài sản dài hạn khác	260		4.530.302.238	3.867.297.293
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	3.537.760.266	2.611.054.234
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	992.541.972	1.256.243.059
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		758.915.160.395	773.816.378.646

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		336.608.808.501	386.868.228.089
Nợ ngắn hạn	310		336.608.808.501	386.868.228.089
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	143.212.163.032	180.040.806.336
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.804.141.280	2.817.572.557
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	4.301.524.686	7.956.930.826
Phải trả người lao động	314		4.994.774.356	7.189.475.213
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	903.830.568	1.210.050.512
Phải trả ngắn hạn khác	319		160.374.579	170.392.645
Vay ngắn hạn	320	16	177.232.000.000	187.483.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		422.306.351.894	386.948.150.557
Vốn chủ sở hữu	410	17	422.306.351.894	386.948.150.557
Vốn cổ phần	411	18	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	415	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	37.739.024.524	28.364.116.167
Lợi nhuận chưa phân phối	421		105.826.396.733	79.843.103.753
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68.874.460.976	17.343.714.702
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.951.935.757	62.499.389.051
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		758.915.160.395	773.816.378.646

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

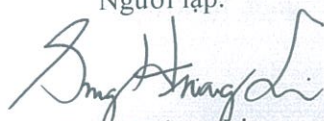
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
			Được phân loại lại	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	624.291.026.685	610.726.845.195
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	139.572.535
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	624.291.026.685	610.587.272.660
Giá vốn hàng bán	11	23	556.559.489.903	554.190.891.120
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		67.731.536.782	56.396.381.540
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.111.149.612	5.814.923.932
Chi phí tài chính	22	25	4.125.904.887	8.874.597.022
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.635.061.743	1.855.166.615
Chi phí bán hàng	25		11.522.400.777	10.625.722.282
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		15.111.794.791	13.739.778.499
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		45.082.585.939	28.971.207.669
Thu nhập khác	31	26	27.736.502	35.736.217
Chi phí khác	32		16.149.746	22.357.215
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		11.586.756	13.379.002
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		45.094.172.695	28.984.586.671
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	7.878.535.851	4.756.608.665
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	263.701.087	431.352.590
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		36.951.935.757	23.796.625.416
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.325	853

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		45.094.172.695	28.984.586.671
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.509.303.851	9.060.651.620
Các khoản dự phòng	03		(191.441.856)	(102.179.533)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.541.413.549)	2.926.180.857
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(4.972.511.749)	(4.348.859.172)
Chi phí lãi vay	06		2.635.061.743	1.855.166.615
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		49.533.171.135	38.375.547.058
Biến động các khoản phải thu	09		39.626.891.327	6.870.450.868
Biến động hàng tồn kho	10		9.485.660.507	(13.683.867.447)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(35.741.553.148)	58.541.444.341
Biến động chi phí trả trước	12		(1.167.104.789)	(916.116.385)
			61.737.065.032	89.187.458.435
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.691.106.873)	(1.855.033.539)
Thuế thu nhập đã nộp	15		(11.194.752.898)	(5.150.060.213)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.593.734.420)	(1.157.786.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		46.257.470.841	81.024.578.519
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.062.390.269)	(1.068.181.800)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		15.500.000	-
Tiền thu từ các khoản đầu tư	23		(800.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		4.984.418.560	4.078.365.839
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(862.471.709)	3.010.184.039

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
-------	-------------	-------------------------------------	-------------------------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	159.708.000.000	138.154.024.750
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(168.877.500.000)	(146.134.004.750)
Tiền chi trả cổ tức	36 19	-	(27.892.340.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(9.169.500.000)	(35.872.320.268)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	36.225.499.132	48.162.442.290
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	234.551.637.935	192.842.436.613
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70 4	270.777.137.067	241.004.878.903

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập:


Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) - chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 465 nhân viên (1/1/2016: 458 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn hơn 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ gôn

Phí hội viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	565.587.100	717.398.200
Tiền gửi ngân hàng	60.126.549.967	48.494.239.735
Các khoản tương đương tiền	210.085.000.000	185.340.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	270.777.137.067	234.551.637.935

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng. Thời gian đáo hạn còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là dưới 12 tháng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	24.777.881.934	24.026.750.614
Công Ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	20.413.733.363	22.102.830.506
Công ty TNHH Quang Hiển	-	25.309.612.636
Khách hàng khác	132.813.452.482	135.865.002.805
	178.005.067.779	207.304.196.561

7. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	58.156.830.374	-	56.649.766.135	-
Nguyên vật liệu	33.818.214.661	-	37.132.436.228	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.096.820.867	(390.828.175)	3.192.207.305	(226.212.489)
Thành phẩm	74.357.840.442	(337.087.924)	103.940.957.183	(714.465.466)
	191.429.706.344	(727.916.099)	200.915.366.851	(940.677.955)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 6.163 triệu VND (1/1/2016: 17.901 triệu VND) giá trị thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	145.070.111.269	278.076.935.446	8.842.474.682	3.429.275.789	7.200.096.596	442.618.893.782
Tăng trong kỳ	-	1.117.561.446	-	-	-	1.117.561.446
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	7.716.055.936	-	-	-	7.716.055.936
Thanh lý	-	(563.983.213)	-	-	-	(563.983.213)
Số dư cuối kỳ	145.070.111.269	286.346.569.615	8.842.474.682	3.429.275.789	7.200.096.596	450.888.527.951
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	84.130.658.025	243.324.719.262	7.812.268.419	3.196.415.558	6.827.591.269	345.291.652.533
Khấu hao trong kỳ	2.703.777.257	5.524.502.380	143.265.696	42.955.200	38.103.318	8.452.603.851
Thanh lý	-	(563.983.213)	-	-	-	(563.983.213)
Số dư cuối kỳ	86.834.435.282	248.285.238.429	7.955.534.115	3.239.370.758	6.865.694.587	353.180.273.171
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	60.939.453.244	34.752.216.184	1.030.206.263	232.860.231	372.505.327	97.327.241.249
Số dư cuối kỳ	58.235.675.987	38.061.331.186	886.940.567	189.905.031	334.402.009	97.708.254.780

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có số tài sản có nguyên giá 219.205 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 213.893 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	378.000.000
Khấu hao trong kỳ	56.700.000
Số dư cuối kỳ	434.700.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	189.000.000
Số dư cuối kỳ	132.300.000

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	7.467.834.491	346.952.775
Tăng trong kỳ	3.944.828.823	848.792.453
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.716.055.936)	(1.192.280.228)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(249.945.995)	-
Xóa sổ	(27.406.811)	(3.465.000)
Số dư cuối kỳ	3.419.254.572	-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công cụ và dụng cụ	914.095.003	1.435.370.492
Đồng phục	373.599.800	30.000.000
Chi phí bảo hiểm	235.788.895	46.086.934
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	623.995.244	145.676.764
	2.147.478.942	1.657.134.190

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.538.606.491	1.072.447.743	2.611.054.234
Tăng trong kỳ	-	1.230.418.060	1.230.418.060
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	249.945.995	249.945.995
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(525.233.743)	(553.658.023)
Số dư cuối kỳ	1.510.182.211	2.027.578.055	3.537.760.266

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên những khoản mục như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản cố định	582.003.672	585.563.547
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	178.361.732	178.361.732
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	60.344.575	127.279.660
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	171.831.993	365.038.120
	992.541.972	1.256.243.059

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	128.239.526.156	128.239.526.156	163.348.803.761	163.348.803.761
Các nhà cung cấp khác	14.972.636.876	14.972.636.876	16.692.002.575	16.692.002.575
	143.212.163.032	143.212.163.032	180.040.806.336	180.040.806.336

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ	128.239.526.156	128.239.526.156	163.348.803.761	163.348.803.761

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cần trừ VND	30/6/2016 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng		- 76.344.473.541	(29.386.597.056)	(46.957.876.485)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.322.771.774	7.878.535.851	(11.194.752.898)		- 4.006.554.727
Thuế thu nhập cá nhân	634.159.052	1.122.988.254	(1.462.177.347)		- 294.969.959
	7.956.930.826	85.345.997.646	(42.043.527.301)	(46.957.876.485)	4.301.524.686

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Số đã cần trừ VND	30/6/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	19.231.030.493	53.269.014.846	(18.671.628.106)	(46.957.876.485)	6.870.540.748

15. Chi phí phải trả

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phí dịch vụ chuyên môn	387.000.000	495.924.862
Phí lãi vay	146.957.268	203.002.398
Tiện ích	103.263.750	246.579.726
Chi phí khác	266.609.550	264.543.526
	903.830.568	1.210.050.512

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	187.483.000.000	187.483.000.000	159.708.000.000	(168.877.500.000)	(1.081.500.000)	177.232.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Annping (b)	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	44.680.000.000	58.604.000.000
Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.200.000 USD	Chi phí huy động vốn + 1%	27.872.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	-	6.762.000.000
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank Ltd, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	LIBOR 6 tháng + 1,5316%	10.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 2%	-	11.270.000.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu Hạn Một thành Viên ANZ Việt Nam (b)	5.000.000 USD	Chi phí huy động vốn + 0,5% - được quyết định trên mỗi giao dịch	18.936.000.000	18.032.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai (b)	40.000.000.000 VND	4,9% năm và có thể được điều chỉnh dựa trên mỗi giao dịch	30.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng SinoPac, chi nhánh Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	SIBOR/Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5%	24.574.000.000	18.032.000.000
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank Ltd, chi nhánh Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 2% năm	-	20.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank – chi nhánh Ann Ping (a)	2.500.000 USD	LIBOR 3 tháng + 1,5% năm	11.170.000.000	24.783.000.000
			177.232.000.000	187.483.000.000

a. Các khoản vay này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.

b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	53.204.347.982	353.498.887.938
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	6.810.506.848	(6.810.506.848)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.157.786.164)	(1.157.786.164)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.796.625.416	23.796.625.416
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(27.892.340.268)	(27.892.340.268)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	41.140.340.118	348.245.386.922
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	38.702.763.635	38.702.763.635
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	79.843.103.753	386.948.150.557
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.374.908.357	(9.374.908.357)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.593.734.420)	(1.593.734.420)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	36.951.935.757	36.951.935.757
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	37.739.024.524	105.826.396.733	422.306.351.894

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 27.892.014.000 VND bằng cách phát hành 2.789.201 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu (2015: cổ tức bằng tiền 27.892 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu)). Khoản cổ tức bằng cổ phiếu này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính do tại thời điểm cuối kỳ cổ phiếu vẫn chưa được phát hành cho các cổ đông.

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	4.300.933.001	4.063.188.231
Trong vòng hai đến năm năm	17.064.002.004	20.608.940.055
Sau năm năm	83.870.064.890	82.041.530.392
	105.234.999.895	106.713.658.678

Chi phí thuê hàng năm bao gồm 3 hợp đồng thuê:

- Phí thuê đất Trụ sở chính của Công ty tại tỉnh Đồng Nai với mức thuê tối thiểu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 109.798 USD và phí cơ sở hạ tầng năm là 25,885 USD trong vòng 50 năm tính từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi năm năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 680 triệu VND trong 6 năm tính từ ngày 6 tháng 1 năm 2015.
- Phí thuê đất hàng năm tại tỉnh Hải Dương là 590 triệu VND trong tám năm tính từ khi Chi nhánh đi vào hoạt động cho đến ngày 16 tháng 7 năm 2042.

(b) Ngoại tệ

	30/6/2016	1/1/2016
	Nguyên tệ	Nguyên tệ
	Tương đương VND	Tương đương VND
USD	499.402	236.254
	11.125.531.000	5.313.704.279

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND Đã phân loại lại
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	623.596.025.581	609.916.599.039
▪ Bán hàng	288.104.044	352.087.180
▪ Cung cấp dịch vụ	406.897.060	458.158.976
	624.291.026.685	610.726.845.195
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(139.572.535)
Doanh thu thuần	624.291.026.685	610.587.272.660

23. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	556.476.501.717	553.924.210.377
▪ Hàng hóa đã bán	213.255.612	268.845.902
▪ Cung cấp dịch vụ	82.494.430	100.014.374
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(212.761.856)	(102.179.533)
	556.559.489.903	554.190.891.120

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi	4.984.418.560	4.352.324.172
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.126.731.052	1.462.599.760
	8.111.149.612	5.814.923.932

25. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	2.635.061.743	1.855.166.615
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.490.843.144	7.019.430.407
	4.125.904.887	8.874.597.022

26. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	15.500.000	-
Thu nhập khác	12.236.502	35.736.217
	27.736.502	35.736.217

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	502.180.621.144	512.869.965.731
Chi phí nhân công	30.854.044.095	27.012.220.181
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.509.303.851	9.060.651.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.863.585.824	19.864.080.408
Chi phí khác	10.927.641.817	9.749.473.961

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	7.883.584.265	4.756.608.665
Dự phòng thừa từ những năm trước	(5.048.414)	-
	7.878.535.851	4.756.608.665
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	263.701.087	431.352.590
	8.142.236.938	5.187.961.255

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.094.172.695	28.984.586.671
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.764.125.904	4.347.688.001
Ảnh hưởng của thuế suất khác	773.183.736	424.039.423
Chi phí không được khấu trừ thuế	609.975.712	416.233.831
Dự phòng thừa từ những năm trước	(5.048.414)	-
	8.142.236.938	5.187.961.255

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư của Chi nhánh. Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 4 năm từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo từ năm 2010 đến năm 2013. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác. các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là năm năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2016 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	36.951.935.757	23.796.625.416
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	36.951.935.757	23.796.625.416

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn (1/1/2016: Không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các sổ dư với các bên liên quan được trình bày trong thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Thù lao	749.151.650	673.940.930
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.975.163.650	2.854.354.951
Phí bảo lãnh	176.568.975	201.472.637
	2.900.884.275	3.729.768.518

Các giao dịch với công ty mẹ

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	389.759.887.507	411.528.130.772
Phí bản quyền	771.237.939	635.927.845

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd, Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd và giấy chứng nhận UL để sở hữu 13 sản phẩm. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí UL là 0,1% doanh thu thực tế phát sinh từ các sản phẩm này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Teco (Vietnam) Electric & Machinery Co. Ltd		
Cung cấp dịch vụ	381.897.060	404.974.874
Taya (Vietnam) Construction and Development Co., Ltd		
Cung cấp dịch vụ	25.000.000	99.000.000

31. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh cho giai đoạn ngày 30 tháng 6 năm 2015 được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND (điều chỉnh lại)	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	610.726.845.195	607.065.147.995
Thu nhập khác	35.736.217	3.697.433.417

32. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2016, Công ty đã phát hành thành công 2.788.568 cổ phiếu bằng mệnh giá 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu cho 2.404 cổ đông hiện hữu.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

ANG * IMA